

Số: 816/HD-NHCS

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Thực hiện giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng vay vốn NHCSXH bị ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi) (Quyết định 1629/QĐ-TTg).

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn các đơn vị thực hiện giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng vay vốn NHCSXH bị ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi) theo Quyết định 1629/QĐ-TTg như sau:

1. Đối tượng giảm lãi suất cho vay:

a) Đối tượng giảm lãi suất cho vay: Khách hàng vay vốn các chương trình tín dụng chính sách tại NHCSXH do Thủ tướng Chính phủ quy định về lãi suất (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) tại Sở Giao dịch và Chi nhánh NHCSXH các tỉnh/thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hoà Bình, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa.

Danh mục các chương trình tín dụng chính sách giảm lãi suất cho vay theo Quyết định số 1629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo Biểu đính kèm.

b) Đối với các khoản vay theo Dự án “Chương trình phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn KFW”: thực hiện theo Quyết định giảm lãi suất cho vay của Hội đồng quản trị NHCSXH.

c) Đối với các chương trình tín dụng chính sách thuộc nguồn vốn nhận ủy thác đầu tư: NHCSXH nơi nhận ủy thác báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân, các Chủ đầu tư khác xem xét, quyết định việc giảm lãi suất cho vay để đồng bộ chính sách.

2. Mức giảm lãi suất cho vay và thời gian áp dụng:

a) Giảm lãi suất cho vay 2%/năm. Áp dụng đối với khoản vay có dư nợ tại NHCSXH từ ngày 01/09/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

b) Thời gian thực hiện giảm lãi suất cho vay từ ngày 01/09/2024 đến hết ngày 31/12/2024. Sau ngày 31/12/2024 NHCSXH nơi cho vay áp dụng lãi suất cho vay theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phương thức giảm lãi suất cho vay

a) NHCSXH xác định số lãi được giảm đối với từng khoản vay của khách hàng tại NHCSXH theo dư nợ thực tế trong khoảng thời gian từ ngày 01/09/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

b) NHCSXH thực hiện hoàn trả số tiền giảm lãi suất cho người vay như sau:

- Đối với khách hàng còn dư nợ tại NHCSXH đến ngày 31/12/2024, toàn bộ số tiền lãi giảm được NHCSXH chuyển vào khoản khách hàng trả trước (RPA) để trả lãi tiền vay còn nợ NHCSXH.

- Đối với khách hàng đã trả hết nợ hoặc nợ vay đã được khoan trước thời điểm NHCSXH hoàn trả: NHCSXH thực hiện trả vào tài khoản tiền gửi Tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn hoặc tiền gửi thanh toán của khách hàng tại NHCSXH và thông báo đến khách hàng. Trường hợp khách hàng đã trả hết nợ, đã đóng tài khoản tiền gửi Tổ viên và không có tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCSXH, NHCSXH nơi cho vay thông báo đến khách hàng và thực hiện chi trả trực tiếp cho khách hàng.

- Toàn bộ số tiền giảm lãi suất cho khách hàng theo Quyết định 1629/QĐ-TTg được hạch toán ghi giảm số tiền thu lãi trong kỳ theo chương trình tín dụng tương ứng của đơn vị.

4. Tổ chức thực hiện

a) Đối với Sở Giao dịch, Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có khoản vay được giảm lãi suất:

- Báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp, Ban đại diện Hội đồng quản trị cùng cấp; phối hợp với các Tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác, Tổ Tiết kiệm và vay vốn tuyên truyền, phổ biến chính sách giảm lãi suất cho vay theo Quyết định 1629/QĐ-TTg đến người vay;

- Rà soát số liệu giảm lãi suất từ tháng 09/2024 đến tháng 12/2024 do Trung tâm Công nghệ thông tin gửi về, xác nhận số tiền giảm lãi suất cho vay (Mẫu số 01/GL), Bảng kê các khoản giảm lãi suất cho vay còn phải trả khách hàng (Mẫu số 02/GL) chậm nhất 14^h ngày 30/12/2024;

- Đối với khách hàng đã trả hết nợ hoặc nợ vay đã được khoan trước thời điểm NHCSXH hoàn trả số tiền giảm lãi suất (theo Bảng kê mẫu số 02/GL): Hội sở chính thực hiện hạch toán tự động vào các khoản phải trả; các đơn vị kiểm tra dữ liệu trên Bảng kê mẫu số 02/GL, thực hiện thông báo đến khách hàng, hạch toán chuyển số tiền giảm lãi suất từ các khoản phải trả vào tài khoản tiền gửi Tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn/tiền gửi thanh toán của khách hàng tại NHCSXH, hoặc chi trả cho khách hàng;

- In chứng từ giao dịch, Bảng tổng hợp số tiền giảm lãi suất cho vay (Mẫu số 01/GL), Bảng kê các khoản giảm lãi suất cho vay còn phải trả khách hàng (Mẫu số 02/GL) đóng Nhật ký chứng từ ngày hạch toán;

- Kết thúc thời gian giảm lãi suất, các đơn vị kiểm tra, đối chiếu Báo cáo số tiền giảm lãi suất cho vay (Mẫu số 03/GL) với số tiền giảm lãi suất đã hạch toán trong kỳ, in Báo cáo để công khai đến người vay tại Điểm giao dịch xã, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đoàn thể cấp xã và Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

b) Ban Tín dụng người nghèo, Ban Tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác: Căn cứ phân công đơn vị quản lý nghiệp vụ trên hệ thống Intellect, rà soát mã Chi nhánh, mã Phòng giao dịch, danh mục sản phẩm tiền vay cụ thể áp dụng giảm lãi suất cho vay theo Quyết định 1629/QĐ-TTg, cung cấp mã Chi nhánh, mã Phòng giao dịch, danh mục sản phẩm tiền vay cụ thể được áp dụng giảm lãi suất cho vay để Trung tâm Công nghệ thông tin phối hợp với Nhà thầu Intellect tính số tiền giảm lãi suất cho khách hàng chậm nhất ngày 24/12/2024.

c) Ban Kế hoạch nguồn vốn: báo cáo kết quả giảm lãi suất cho vay tại Quyết định 1629/QĐ-TTg theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

d) Ban Kế toán và quản lý tài chính:

- Hướng dẫn hạch toán giảm lãi suất cho vay;
- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tính số tiền giảm lãi suất từng khoản vay, hạch toán giảm lãi suất cho vay;
- Thực hiện quyết toán số tiền giảm lãi suất cho vay với các đơn vị khi quyết toán tài chính năm 2024.

d) Trung tâm Công nghệ thông tin:

- Đầu mối phối hợp với Ban Kế toán và quản lý tài chính và nhà thầu Intellect xác định số liệu giảm lãi từng khoản vay gửi Chi nhánh NHCSXH xác nhận; Hỗ trợ hạch toán số lãi được giảm lãi trên hệ thống Intellect theo số liệu giảm lãi của từng khoản vay do chi nhánh xác nhận;

- Cung cấp số liệu giảm lãi suất cho các chi nhánh: số liệu giảm lãi suất từ tháng 09/2024 đến tháng 11/2024 chậm nhất ngày 25/12/2024; số liệu giảm lãi suất tháng 12/2024 chậm nhất 10^h ngày 30/12/2024;

- Tạo và gửi các báo cáo giảm lãi suất và Biên lai thu lãi, thu tiền gửi tháng 01/2025 theo mẫu đính kèm văn bản này cho các đơn vị liên quan.

e) Ban Hợp tác quốc tế và truyền thông:

Tham mưu thực hiện công tác truyền thông về việc giảm lãi suất cho vay theo Quyết định 1629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ kịp thời, công khai, minh bạch.

Yêu cầu các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện, quá trình thực hiện có vướng mắc báo cáo về Hội sở chính (qua Ban Kế toán và quản lý tài chính) để phối hợp giải quyết./.

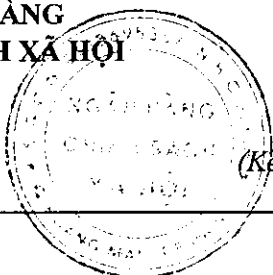
Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Tổng Giám đốc;
 - Trưởng Ban Kiểm soát;
 - Các Phó TGĐ;
 - Kế toán trưởng;
 - Các Ban nghiệp vụ tại HSC;
 - Các Chi nhánh tại điểm a, khoản 1;
 - Sở Giao dịch, TTĐT, TTCNTT;
 - Lưu VT, KTTC.
- (để báo cáo)

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hằng



**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH GIẢM LÃI SUẤT CHO VAY
THEO QUYẾT ĐỊNH 1629/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo văn bản số 8156 /HD-NHCS ngày 23/12/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

STT	Chương trình tín dụng	Lãi suất cho vay (%/năm)	Lãi suất sau hỗ trợ giảm trong khoảng thời gian từ 01/09/2024 đến 31/12/2024 (%/năm)	Ghi chú
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác	6.60	4.60	
2	Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ	7.92	5.92	
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ	8.25	6.25	
4	Cho vay học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ	6.60	4.60	
5	Cho vay HSSV có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến QĐ 09/2022/QĐ-TTg	1.20	0.00	
6	Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 QĐ 11/2022/QĐ-TTg	3.30	1.30	
7	Cho vay Giải quyết việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ	7.92	5.92	
8	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ	6.60	4.60	
9	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 và Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ	6.60	4.60	
10	Cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 và Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/09/2019 của Thủ tướng Chính phủ	6.60 3.30	4.60 1.30	
10	Cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ	6.60	4.60	
11	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ, QĐ 10/2024/QĐ-TTg	9.00	7.00	

STT	Chương trình tín dụng	Lãi suất cho vay (%/năm)	Lãi suất sau hỗ trợ giảm trong khoảng thời gian từ 01/09/2024 đến 31/12/2024 (%/năm)	Ghi chú
12	Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ	9.00	7.00	
13	Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ- TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ	9.00	7.00	
14	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ	3.00	1.00	
15	Cho vay hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ	3.00	1.00	
16	Cho vay hộ nghèo xây dựng chòi phòng tránh lũ, lụt theo Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ	3.00	1.00	
17	Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN Nghị định số 28/2022/NĐ-CP _ Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	3.30	1.30	
18	Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN Nghị định số 28/2022/NĐ-CP _ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (đối tượng là hộ nghèo)	3.30	1.30	
19	Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN Nghị định số 28/2022/NĐ-CP _ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (đối tượng là hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã)	3.96	1.96	
20	Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ	3.30	1.30	
21	Cho vay hộ DTTS đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg và 54/2012/QĐ-TTg	1.20	0.00	
22	Cho vay hộ đồng bào DTTS theo QĐ 1592/QĐ-TTg và QĐ 755/QĐ-TTg	1.20	0.00	
23	Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ , NĐ 100/2024/NĐ-CP.	6.60	4.60	
24	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù theo QĐ 22/2023/QĐ-TTg	6.60	4.60	

WV

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN GIẢM LÃI SUẤT CHO VAY CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH
THEO QUYẾT ĐỊNH 1629/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**
Từ 01/09/2024 đến hết 31/12/2024

ĐVT: VND

STT	Chương trình tín dụng	Số tiền lãi giảm
I	Các chương trình tín dụng Thủ tướng Chính phủ giao	
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ	
2	Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ	
		
II	Các chương trình tín dụng nhận ủy thác đầu tư địa phương	
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ	
2	Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ	
		
III	Các chương trình dự án nhận từ CP và nhận trực tiếp của TCQT	
		
	TỔNG CỘNG:	
	<i>Trong đó: - Số tiền giảm lãi suất đã chuyển vào các khoản trả trước của khách hàng</i>	
	<i>- Số tiền giảm lãi suất còn phải trả khách hàng (do khách hàng đã tắt toán khoản vay, khoản nợ)</i>	

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC

wh

**BẢNG KÊ CÁC KHOẢN GIẢM LÃI SUẤT CHO VAY CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH
THEO QUYẾT ĐỊNH 1629/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
CÒN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG**
Từ 01/09/2024 đến hết 31/12/2024

DVT: VND

TT	Tên khách hàng	Mã khách hàng	Địa chỉ	Tên Tổ trưởng	Mã khoản vay	Dư nợ 31/12/2024	Lãi giảm còn phải trả khách hàng	Chuyển vào tài khoản tiền gửi Tổ viên Tổ TK&VV/Tiền gửi thanh toán của khách hàng	Ghi chú

Ngày

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC

- Báo cáo được lập theo từng xã/phường/thị trấn, in Báo cáo để đóng chứng từ ngày hạch toán;
- TK tiền gửi Tổ viên Tổ TK&VV/Tài khoản thanh toán: Hiện thị số tài khoản còn hoạt động. Các đơn vị hạch toán số tiền giảm lãi suất từ các khoản phải trả vào tài khoản khách hàng;
- Đối với khách hàng đã đóng tiền gửi Tổ viên Tổ TK&VV, không có tài khoản thanh toán, các đơn vị chi trả cho khách hàng vào kỳ giao dịch gần nhất, in bảng kê khách hàng được

ƯR

BÁO CÁO SỐ TIỀN GIẢM LÃI SUẤT CHO VAY CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH
THEO QUYẾT ĐỊNH 1629/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Từ 01/09/2024 đến hết 31/12/2024

Hội nhận ủy thác:			Tổ Tiết kiệm và vay vốn:				DVT: VND				
TT	Tên khách hàng	Mã khách hàng	Mã khoản vay	Chương trình tín dụng	Dư nợ 31/12/2024		Số tiền giảm lãi suất các tháng trong năm 2024				Tổng số tiền lãi được giảm
					Trong hạn/Quá hạn	Khoanh	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Ngày
GIÁM ĐỐC

- Báo cáo được lập sau khi kết thúc việc giảm lãi suất cho vay, được tổng hợp theo từng Tổ TK&VV, từng xã/phường/thị trấn
- Kết thúc thời gian giảm lãi suất, đơn vị thực hiện đối chiếu Báo cáo Mẫu số 03/GL với số tiền giảm lãi suất đã hạch toán trong kỳ, in 01 bản để công khai tại Điểm giao dịch xã, lưu trữ dưới dạng file và in, xuất trình khi được kiểm tra.

Wh



NHCSXH huyện A

BIÊN LAI THU LÃI, THU TIỀN GỬI

Tháng năm 202.....

Số TT:.....

Mẫu số 01/BL

(01 liên người vay giữ)

Tên khách hàng:, Mã khách hàng:.....

Địa chỉ:.....

Tổ trưởng (người thu tiền):Mã tổ:.....

Hội quản lý:.....

I. THU LÃI TIỀN VAY

Đơn vị tính: đồng

S T T	Chương trình	Mã món vay	Dư nợ	Số tiền lãi còn phải thu đến/.../....			Số tiền lãi thực thu kỳ này		
				Lãi tồn	Lãi tháng	Tổng số	Thu tiền mặt	Thu từ tiền gửi (C.khoản)	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7=5+6	8	9	10=8+9
1									
2									
3									
4									
.....									
Tổng cộng									

II. THU TIỀN GỬI

Số tài khoản tiền gửi:

Số dư tiền gửi kỳ trước:.....đồng.

Số tiền gửi kỳ này:đồng.

III. TỔNG CỘNG TIỀN MẶT THỰC THU KỲ NÀY (Cột 8 mục I + Số tiền gửi kỳ này mục II)

Bằng số: đồng.

(Bằng chữ).

IV. ĐỀ NGHỊ KHÁCH HÀNG ĐỐI CHIẾU KẾT QUẢ GIAO DỊCH KỲ TRƯỚC, NGÀY/.../.....

1. Số tiền lãi nộp kỳ trước:đồng.

Ngày..... tháng năm

Trong đó: Nộp tiền mặt:..... đồng. Chuyển khoản từ tiền gửi: đồng.

NGƯỜI THU TIỀN

2. Số tiền gửi nộp kỳ trước:đồng.

(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Chuyển khoản từ tiền gửi để trả gốc kỳ trước:đồng.

4. Tổng số tiền đã được hỗ trợ giảm lãi suất cho vay (2%/năm) theo Quyết định số 1629/QĐ-TTg : đồng.

Lưu ý: Khách hàng phải trực tiếp trả nợ gốc tại Điểm giao dịch xã hoặc tại Trụ sở NHCSXH Điện thoại liên hệ: xxxxyz

wh